

Kinh tế Việt Nam qua 30 năm đổi mới, thực hiện kế hoạch 5 năm (2011–2015) và những kì vọng của năm 2016

NGUYỄN THỊ CÀNH

Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP.HCM - canhnt@uel.edu.vn

Ngày nhận:

10/01/2016

Ngày nhận lại:

18/01/2016

Ngày duyệt đăng:

25/01/2016

Mã số:

0116-E02-03

Tóm tắt

Sử dụng phương pháp phân tích định tính (tổng quan lịch sử, so sánh số liệu qua thời gian từ 1985/1990 đến 2015), nghiên cứu này giới thiệu tổng quan về những kết quả đạt được của kinh tế VN qua 30 năm đổi mới thông qua một số chỉ tiêu về tốc độ tăng trưởng, thu nhập bình quân đầu người, dịch chuyển cơ cấu kinh tế, thu hút đầu tư nước ngoài, xuất nhập khẩu (XNK), cán cân thương mại và xóa đói giảm nghèo, v.v.. Bài viết cũng nhận định về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm (2011–2015) và các yếu tố tác động đến phát triển kinh tế VN nhìn từ phía cung và phía cầu. Tác giả phân tích bối cảnh quốc tế và những kì vọng cho kinh tế VN năm 2016, đặc biệt đưa ra những cơ hội và thách thức với VN khi tham gia Cộng đồng Kinh tế các nước ASEAN (AEC). Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất những giải pháp cho VN nắm lấy cơ hội, vượt qua thách thức để hoàn thành các mục tiêu của năm 2016 và các năm tiếp theo.

Abstract

Using qualitative approaches, including historical review and data comparison for the period from 1985/1990 to 2015, this paper sheds some light to the achievements of Vietnam's economy during its 30 years of innovation through a number of indicators, such as growth rate, average income per capita, economic structure shifting, foreign investment attraction, import/export and balance of trade, poverty alleviation, and so forth. The paper also comments on the implementation of plan for social-economic development over the past five years (2011–2015) and the factors affecting the development of Vietnam's economy from the supply-demand perspective. Additionally, the international context is analyzed besides expectations for the national economy in 2016 along with opportunities and challenges for the country's joining the ASEAN economic community (AEC), based on which solutions are proposed to fulfilling the objectives for 2016 and beyond.

Từ khóa:

Kinh tế VN, hội nhập, AEC.

Keywords:

Vietnam's economy, integration, AEC.

1. Giới thiệu

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (năm 1986) đã đánh dấu giai đoạn lịch sử, đề ra đường lối đổi mới chính sách kinh tế. Đường lối đổi mới kinh tế ra đời đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế nước ta một cách rõ rệt. Thành tựu quan trọng là bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN). Đây là chủ trương đúng đắn và kịp thời nhằm tháo gỡ những khó khăn, trở ngại của nền kinh tế sản xuất nhỏ, nông nghiệp là chủ yếu. Chính sách này đã giúp các thành phần kinh tế có điều kiện mở rộng sản xuất, tạo ra nhiều sản phẩm và dịch vụ cạnh tranh với nhau làm cho các quan hệ thị trường được hình thành. Có thể nói đường lối đổi mới của Đảng đã đề ra tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI là chiếc chìa khoá mở đầu cho công cuộc đổi mới ở nước ta, là tiền đề cho nền kinh tế VN hội nhập với kinh tế thế giới.

Quá trình thực hiện đường lối đổi mới đưa Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI vào cuộc sống là quá trình thử nghiệm, tìm tòi và từng bước thể chế hoá về mặt Nhà nước các chủ trương chính sách đổi mới của Đảng. Thành tựu đầu tiên của công cuộc đổi mới về kinh tế là VN đã đạt được những tiến bộ rõ rệt trong thực hiện các mục tiêu của 3 chương trình kinh tế lớn là: Lương thực-thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu; xác lập các nhân tố của nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Từ Đại hội VI và lần lượt qua các kỳ Đại hội VII, VIII, IX, X, XI và dự thảo báo cáo chính trị trình Đại hội Đảng XII, Đảng và Nhà nước VN luôn đưa ra chính sách kinh tế đổi mới phù hợp với đặc thù VN trong từng giai đoạn và bối cảnh hội nhập quốc tế. VN đã phát triển nền kinh tế thị trường có nhiều thành phần tham gia, thừa nhận các quy luật cung-cầu, quy luật giá trị, tích lũy tư bản, cạnh tranh..., tồn tại đan xen các hình thức sở hữu.

Kết quả của 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới, VN có được những thành tựu gì trong phát triển kinh tế? Hội nhập kinh tế quốc tế đã mang lại những cơ hội và thách thức nào cho VN? Những kỳ vọng nào cho kinh tế VN trong năm 2016? Những giải pháp nào cho VN để nắm lấy cơ hội, vượt qua thách thức để đạt được các kỳ vọng và mục tiêu đề ra?

Nghiên cứu này sẽ trả lời các câu hỏi nêu trên thông qua phân tích những kết quả đạt được của kinh tế VN qua 30 năm đổi mới, đặc biệt là nhận định về tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm (2011–2015) phát triển kinh tế-xã hội, phân tích bối cảnh quốc tế và những kỳ vọng cho kinh tế VN năm 2016. Bài viết cũng đưa ra những cơ hội và thách

thức với VN khi tham gia AEC. Qua đó bài viết đề xuất những giải pháp cho VN nắm lấy cơ hội, vượt qua thách thức để hoàn thành các mục tiêu của năm 2016 và các năm tiếp theo.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp luận

Nghiên cứu sử dụng một số chỉ tiêu về tăng trưởng và phát triển kinh tế. Tăng trưởng kinh tế là do tăng thu nhập quốc dân (GNP), tổng sản phẩm quốc nội (GDP), tăng tổng sản phẩm quốc dân và tổng sản phẩm quốc nội trên đầu người. Phát triển kinh tế là sự tăng thu nhập bình quân đầu người và sự thay đổi cơ bản cơ cấu nền kinh tế theo hướng tăng tỉ trọng công nghiệp, giảm tỉ trọng nông nghiệp và tăng tỉ lệ người sống ở thành thị hơn tỉ lệ người sống ở nông thôn. Nếu phát triển kinh tế và tăng trưởng kinh tế hiện đại dẫn đến tăng thu nhập và sản phẩm theo đầu người, thì không thể có phát triển mà thiếu tăng trưởng. Tóm lại, phát triển kinh tế là sự kết hợp thoả đáng giữa tăng trưởng và phân phối thu nhập. Phát triển phản ánh chất lượng của tăng trưởng hay tăng trưởng bền vững. Tăng trưởng kinh tế thường đo lường bằng tổng sản phẩm quốc nội GDP. Phát triển kinh tế phản ánh tăng trưởng GDP và các chỉ tiêu về phân phối thu nhập, tỉ lệ nghèo, các chỉ số về cơ cấu kinh tế, v.v.. Các chỉ tiêu phân tích trong nghiên cứu này là tổng sản phẩm quốc nội (GDP), thu nhập bình quân đầu người, tốc độ tăng trưởng GDP, dịch chuyển cơ cấu kinh tế theo 3 khu vực kinh tế và theo thành phần kinh tế. Các yếu tố tác động đến tăng trưởng và phát triển kinh tế bao gồm các yếu tố đầu vào về vốn, lao động; yếu tố đầu ra về tiêu dùng và thị trường XNK và một số biến vĩ mô. Ngoài các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp nêu trên, trong nghiên cứu sẽ đề cập đến một số chỉ tiêu phát triển kinh tế theo hướng bền vững gồm hiệu quả sử dụng nguồn lực như hiệu quả sử dụng vốn qua hệ số ICOR, năng suất lao động, nhân tố năng suất tổng hợp TFP và các chỉ tiêu xã hội như nghèo đói, môi trường, so sánh thực trạng phát triển kinh tế theo các giai đoạn đổi mới và hội nhập.

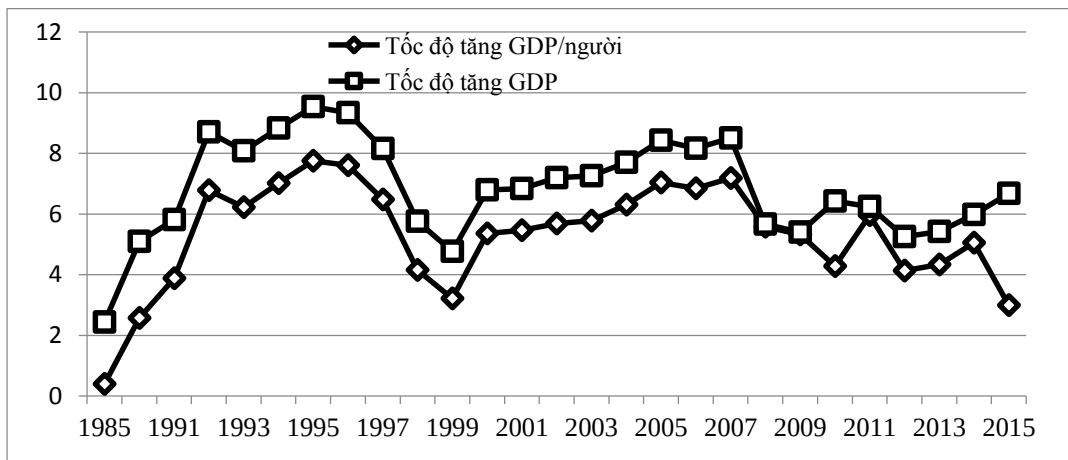
Nghiên cứu này tiếp cận dưới góc độ nghiên cứu định tính thông qua các phương pháp phân tích mô tả số liệu và so sánh cùng các lập luận, diễn giải, quy nạp, đồng thời có sử dụng một số kết quả định lượng từ các nghiên cứu khác. Nguồn số liệu sử dụng trong nghiên cứu chủ yếu là số liệu thứ cấp lấy từ *Niên giám thống kê VN* trong giai đoạn (1985/1990–2015), một số kết quả tính toán từ các nghiên cứu trước theo nhiều nguồn khác nhau.

3. Đánh giá một số kết quả thực hiện chính sách đổi mới sau 30 năm (1985–2015) và thực hiện kế hoạch 5 năm (2011–2016)

3.1. Một số kết quả thực hiện chính sách đổi mới sau 30 năm (1985–2015)

Tốc độ tăng trưởng và thu nhập bình quân trên người

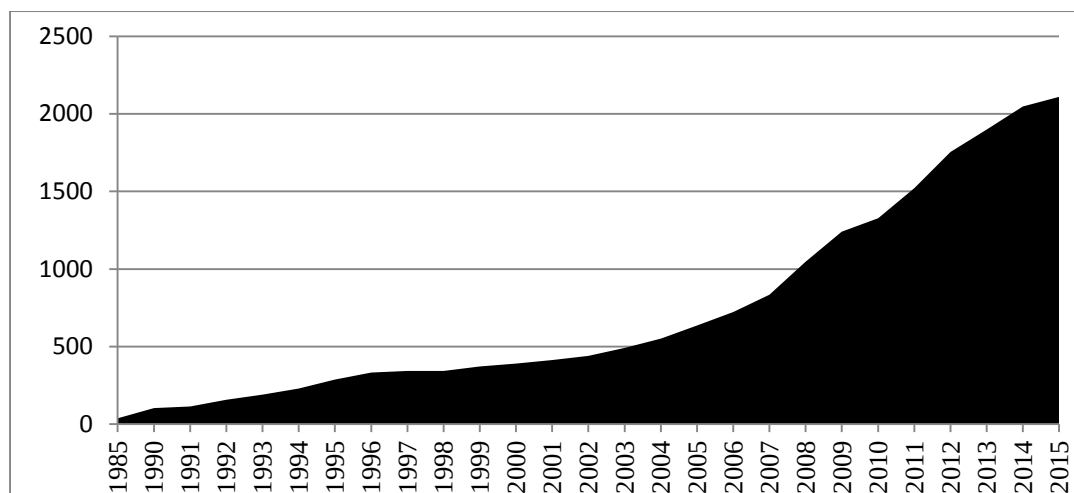
Qua 30 năm phát triển (1985–2015), đặc biệt là giai đoạn trước khủng hoảng năm 2008 tốc độ tăng trưởng kinh tế của VN liên tục giữ ở mức cao hơn 7%/năm. Sau năm 2008 do tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, tốc độ tăng trưởng của VN đã giảm xuống dưới 6%, và hồi phục lại 6,68% trong năm 2015. Tốc độ tăng GDP bình quân giai đoạn 1990–2015 là khoảng gần 7%/năm. Tốc độ tăng GDP/người diễn biến gần như cùng chiều với tốc độ tăng GDP (Hình 1).



Hình 1. Tốc độ tăng GDP và GDP/người giai đoạn 1985–2015 (%)

Nguồn: Niên giám thống kê VN và các báo cáo hàng năm của Tổng cục Thống kê đến tháng 12/2015

Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, trong khi tốc độ tăng dân số được kìm hãm dẫn đến mức thu nhập GDP bình quân trên đầu người mỗi năm tăng. Nếu năm 1990, GDP trên đầu người của VN chỉ khoảng trên 100 USD/người, thì đến năm 2008, GDP trên đầu người ước tính đạt khoảng 1.047 USD/người, năm 2010 đạt 1.328 USD/người, năm 2015 đạt 2.109 USD/người (Hình 2). Với mức thu nhập này, từ năm 2008, VN lần đầu tiên đã thoát ra khỏi nhóm nước nghèo (nhóm nước có thu nhập thấp nhất).

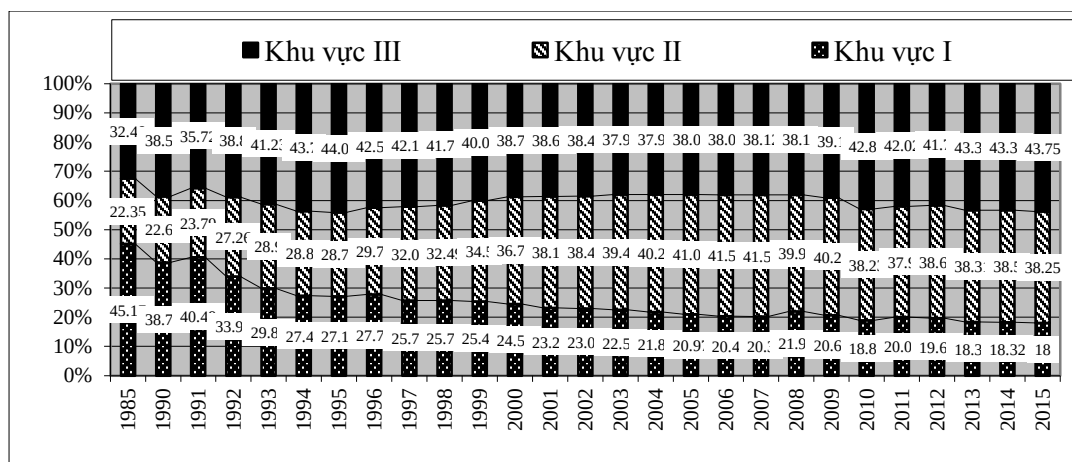


Hình 2. GDP/người tính theo USD giai đoạn 1985–2015

Nguồn: Niên giám thống kê VN và các báo cáo hàng năm của Tổng cục Thống kê đến tháng 12/2015

Dịch chuyển cơ cấu kinh tế theo khu vực ngành kinh tế

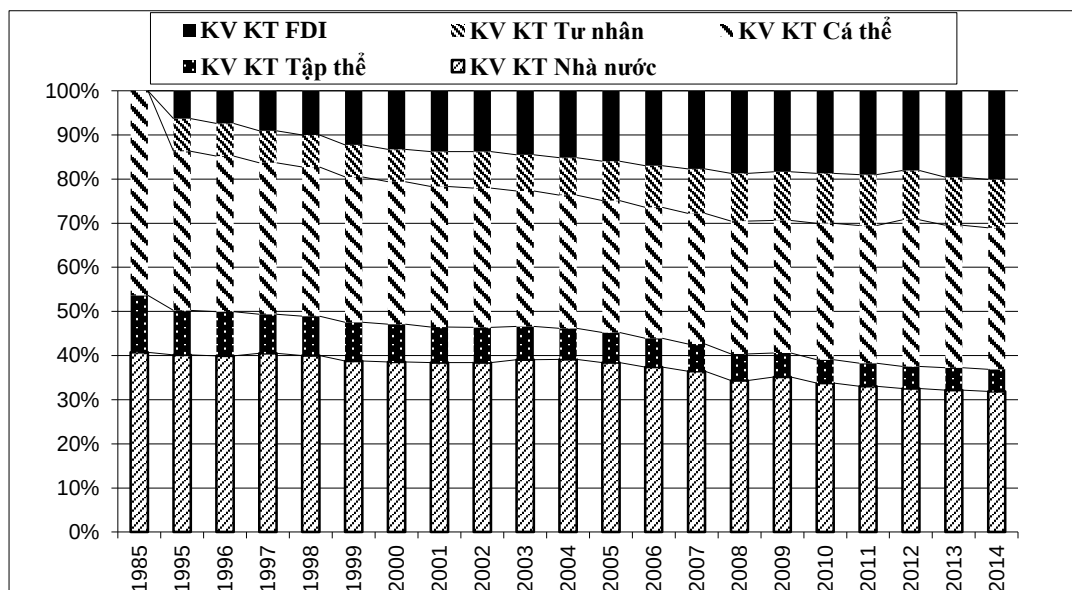
Do tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ cao hơn mức bình quân của nền kinh tế nên xu hướng kinh tế VN đang dịch chuyển theo hướng tăng tỉ trọng khu vực dịch vụ (khu vực III), giảm tỉ trọng nông nghiệp (khu vực I), tỉ trọng khu vực công nghiệp-xây dựng (khu vực II) tăng lên trên 40% ở giai đoạn trước năm 2010, sau năm 2010 tỉ trọng khu vực II giảm nhưng tương đối ổn định trên 38%. Kết quả này cũng cho thấy nền kinh tế VN đang chuyển theo hướng công nghiệp hoá. Nếu như trước giai đoạn đổi mới khu vực I-nông nghiệp chiếm trên 40% GDP, khu vực II-công nghiệp-xây dựng chỉ chiếm trên 27%, khu vực III-dịch vụ chiếm trên 32% GDP thì ba năm gần đây (2013–2015) khu vực dịch vụ tăng lên trên 43%, khu vực công nghiệp-xây dựng chiếm trên 38%, trong khi đó khu vực nông nghiệp đã giảm xuống còn khoảng 18% năm 2015 (Hình 3).



Hình 3. Cơ cấu GDP theo khu vực ngành kinh tế giai đoạn 1985–2015

Nguồn: Niên giám thống kê VN và các báo cáo hàng năm của Tổng cục Thống kê đến tháng 12/2015

Dịch chuyển cơ cấu theo thành phần kinh tế. Nhờ có chính sách đổi mới nền kinh tế VN được phát triển với đa dạng sở hữu. Theo thống kê hiện hành, có 5 khu vực kinh tế theo hình thức sở hữu là: (1) Kinh tế nhà nước; (2) Kinh tế tập thể; (3) Kinh tế cá thể (hộ gia đình); (4) Kinh tế tư nhân; và (5) Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (FDI).



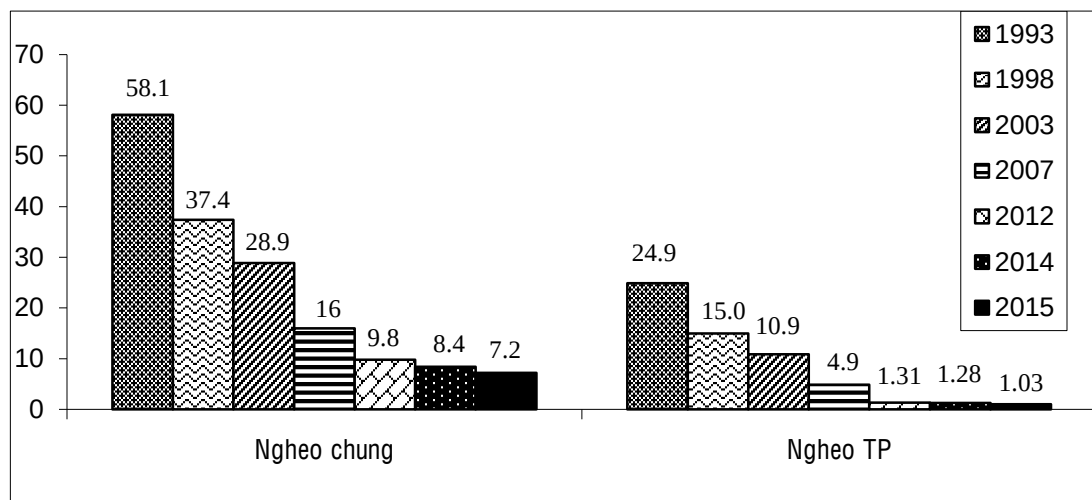
Hình 4. Cơ cấu GDP theo thành phần kinh tế giai đoạn 1985–2014

Nguồn: Niên giám thống kê VN

Xu hướng phát triển của kinh tế VN là tỉ trọng kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể đang giảm dần, thay vào đó là tỉ trọng kinh tế tư nhân, cá thể, và kinh tế đầu tư nước ngoài (FDI) có xu hướng tăng. Trước năm 1985, kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể chiếm trên 53%, kinh tế cá thể chiếm trên 46%, kinh tế tư nhân và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài hầu như không có. Sau khi áp dụng chính sách kinh tế mới, kinh tế nhà nước giảm từ 40,18% năm 1995 xuống còn 31,35% năm 2014, kinh tế hợp tác xã giảm từ 10,6% năm 1995, xuống còn hơn 5% năm 2014, kinh tế cá thể gần như ổn định ở mức trên 32%; trong khi tỉ trọng kinh tế tư nhân và kinh tế khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đang có xu hướng tăng dần. Kinh tế tư nhân trong nước trước năm 1990 không có, năm 1995 có tỉ trọng là 7,44% năm 1995, tăng lên 11% hiện nay, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, trước năm 1988 không có, tăng từ 6,30% năm 1995 lên trên 20% hiện nay (Hình 4).

Như vậy quá trình chuyển đổi nền kinh tế theo chính sách đổi mới và hội nhập đã mang lại kết quả tăng trưởng kinh tế cao, cơ cấu kinh tế đã chuyển biến khá mạnh theo khu vực ngành và theo thành phần kinh tế. Hay nói cách khác, cải cách kinh tế đã mở cửa cho các thành phần kinh tế cùng tồn tại và phát triển, kinh tế nhà nước giảm dần tỉ trọng tạo cơ hội cho các thành phần kinh tế khác phát triển, góp phần tăng trưởng chung với tốc độ cao.

Những đóng góp về phát triển kinh tế cũng đã góp phần cải thiện mức sống dân cư và giảm tỉ lệ nghèo đói tại VN. Tỉ lệ nghèo chung và nghèo thực phẩm (đói) giai đoạn 1993–2015 thể hiện trong Hình 5. Chuẩn nghèo thay đổi theo các năm. Chuẩn nghèo của VN thời kì 2006–2010 là 200.000đ/người/tháng đối với khu vực nông thôn và 260.000đ/người/tháng đối với khu vực thành thị, chuẩn nghèo hiện nay đã tăng lên gần 2 lần. Hình 5 cho thấy tỉ lệ nghèo chung và nghèo thực phẩm (đói) giảm đáng kể, từ 58,1% nghèo chung năm 1993, xuống còn 16% năm 2006 và 7,2% năm 2015. Tỉ lệ nghèo thực phẩm (đói) từ 24,9% năm 1993, xuống còn 4,9% năm 2006 và khoảng 1,03% hiện nay (2015). Đây là một thành tích đáng khích lệ về giảm nghèo tại VN đã được các tổ chức quốc tế công nhận. Theo nhận định của các tổ chức quốc tế (Cơ quan Phát triển Liên Hiệp Quốc - UNDP và Ngân hàng Thế giới - WB) thì VN là một trong số ít các nước đã và đang thực hiện tốt chiến lược thiên niên kỷ về tăng trưởng và giảm nghèo.



Hình 5. Tỷ lệ nghèo của VN giai đoạn 1993–2015

Nguồn: Niên giám thống kê VN và Chính phủ (2015)

3.2. Tình hình thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm (2011–2015)

Ngày 8/11/2011, Quốc hội thông qua Nghị quyết số 10/2011/QH13 về kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2011–2015. Các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm (2011–2015) bao gồm các chỉ tiêu kinh tế; các chỉ tiêu xã hội và môi trường. Tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm các chỉ tiêu chủ yếu có thể tổng hợp qua Bảng 1.

Bảng 1

Tổng hợp một số chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch 5 năm (2011–2015) và kết quả thực hiện

Các chỉ tiêu kinh tế	Mục tiêu cần đạt	Thực hiện	Các chỉ tiêu xã hội và môi trường	Mục tiêu cần đạt	Thực hiện
GDP	6,5%-7%/năm	5,91%/năm	1. Việc làm	Tạo mới 8 triệu cho 5 năm	3,84 triệu
Đầu tư/GDP	33,5%-35% GDP	32,6%	2. Tỷ lệ thất nghiệp đô thị	4% đến năm 2015	3,29%
Nhập siêu	Dưới 10% KN XK vào 2015	3,2%	3. Tỷ lệ lao động qua đào tạo trong tổng số lao động	55% vào năm 2015	Trên 50% qua đào tạo và 21,9% có bằng cấp

Các chỉ tiêu kinh tế	Mục tiêu cần đạt	Thực hiện	Các chỉ tiêu xã hội và môi trường	Mục tiêu cần đạt	Thực hiện
Bội chi NSNN	dưới 4,5% vào năm 2015	4,3%	4. Thu nhập bình quân	Năm 2015 tăng gấp 2-2,5 lần so với năm 2010	1,7 lần
Tỉ trọng SP công nghệ cao	Khoảng 30% tổng GTSXCN	NA	5. Tỉ lệ nghèo	Giảm bình quân 2%/năm	7,2%/14,2% Giảm 1,4%/năm
NSLĐ xã hội	Năm 2015 cao hơn 2010 từ 29%-32%	Tăng BQ: 3,8%/năm	6. Diện tích nhà ở bình quân	22 m ² sản/người đến năm 2015	20,6 m ²
Huy động thuế	22%-23% GDP/năm	21,1%	7. Tốc độ tăng dân số	1% đến năm 2015	1,07%
Nợ công	65% GDP đến năm 2015	61,5%	8. Y tế	8 bác sỹ và 23 giường bệnh/ 1 vạn dân đến năm 2015	8 và 26,3
CPI	5%-7% vào năm 2015	2%	9. Tỉ lệ che phủ rừng	42%-43% đến năm 2015	42%

Nguồn: Quốc hội (2011) và Niên giám thống kê.

Mặc dù VN có những khó khăn do bị tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, nhưng năm 2015 là năm đánh dấu cột mốc quan trọng — thực hiện kế hoạch 5 năm (2011–2015) và hoàn thành nửa chặng đường của chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm giai đoạn 2011–2020. Nhìn vào Bảng 1, có 9/17 chỉ tiêu đặt ra theo kế hoạch 5 năm được thực hiện. Những chỉ tiêu thực hiện được bao gồm tỉ lệ đầu tư/GDP, nhập siêu, CPI, nợ công, bội chi ngân sách, tỉ lệ thất nghiệp đô thị, tỉ lệ nghèo, y tế, tỉ lệ che phủ rừng; các chỉ tiêu không đạt được theo kế hoạch bao gồm tốc độ tăng trưởng, huy động thuế, năng suất lao động, việc làm, lao động qua đào tạo, thu nhập bình quân, tốc độ tăng dân số, diện tích nhà ở.

Nguyên nhân nhiều chỉ tiêu chưa thực hiện được như tăng trưởng, việc làm, năng suất lao động và huy động thuế... có thể do khi xây dựng kế hoạch chúng ta chưa lường hết được các yếu tố bất định do tác động của khủng hoảng kinh tế thế giới với mức độ hồi phục chậm ở các quốc gia có nền kinh tế lớn, đồng thời quá trình tái cấu trúc nền kinh tế của VN để nâng cao năng xuất không đạt được như kì vọng. Cụ thể là khu vực kinh

tế nhà nước mà đại diện là các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) dù giảm, nhưng vẫn chiếm tỉ trọng cao, cơ cấu ngành chuyển dịch chậm, khu vực nông nghiệp còn chiếm tỉ trọng cao.

Khi hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới, kinh tế VN được hưởng lợi do thúc đẩy thương mại quốc tế và thu hút đầu tư nước ngoài, đồng thời cũng phải chịu tác động rủi ro do khủng hoảng kinh tế tài chính quốc tế. Có thể thấy giai đoạn trước khủng hoảng VN đạt được tốc độ tăng trưởng cao, giai đoạn sau khủng hoảng tốc độ tăng trưởng đi xuống, cùng với tốc độ lạm phát tăng cao. Sau khủng hoảng, đặc biệt là 5 năm gần đây dù tốc độ tăng trưởng thấp hơn kế hoạch đặt ra, nhưng lạm phát, nhập siêu, nợ công và thâm hụt ngân sách được khống chế tốt hơn (Bảng 2).

Bảng 2

Các chỉ tiêu phát triển của VN giai đoạn 2010–2015

Chỉ tiêu	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Tăng GDP (%)	6,42	6,24	5,25	5,42	5,98	6,68
CPI (%)	11,75	18,58	9,21	6,04	1,84	0,63
Đầu tư (%GDP)	41,9	36,4	33,5	30,4	30,1	32,6
Bội chi NSNN (%GDP)	5,60	4,90	4,80	5,30	5,30	4,3
Cán cân thương mại (tỉ USD)	-12,6	-9,8	0,75	0,10	2,1	-3,17
Nợ công (%GDP)	56,5	54,9	55,7	56	59,6	61,3

Nguồn: Niên giám thống kê, báo cáo tình hình kinh tế-xã hội năm 2014, 2015.

3.3. Các nhân tố tác động đến phát triển kinh tế VN

3.3.1. Các yếu tố cung: Vốn, lao động, tổng năng suất nhân tố

Đóng góp cho sự phát triển kinh tế VN trong 30 năm qua, trước tiên phải nói đến yếu tố vốn bằng tiền và vốn nhân lực.

Huy động vốn và hiệu quả đầu tư.

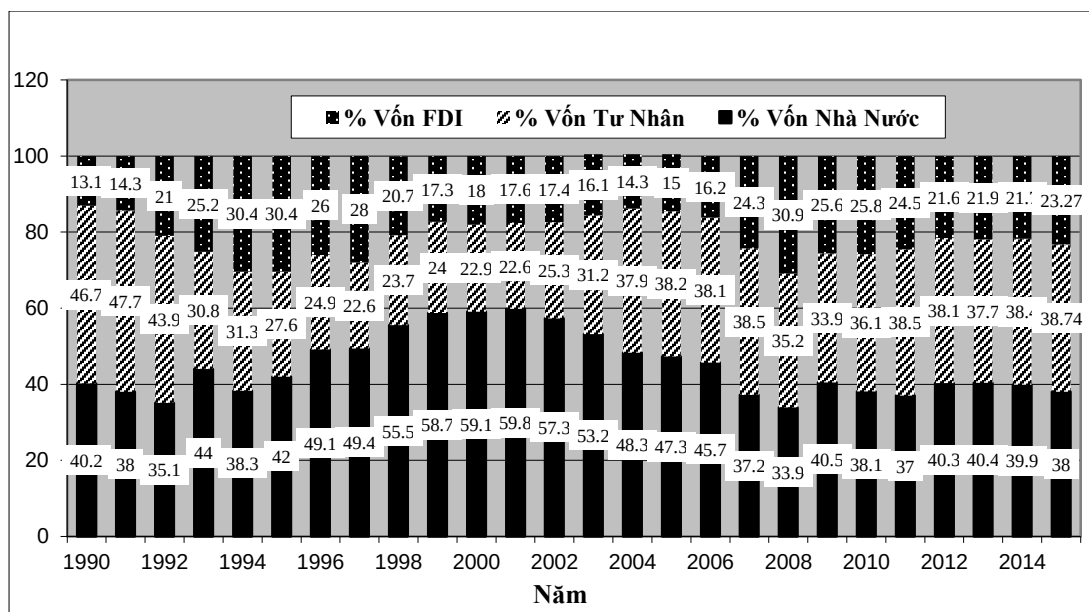
Nhờ có chính sách đổi mới và hội nhập nguồn vốn huy động cho phát triển kinh tế khá đa dạng gồm vốn trong nước và nguồn vốn từ bên ngoài. Vốn trong nước gồm hai nguồn chính là vốn nhà nước và vốn tư nhân (người dân, doanh nghiệp). Kết quả thu hút vốn đầu tư tăng qua các năm, tuy nhiên hiệu quả đầu tư thấp qua chỉ số ICOR cao (Bảng 3).

Bảng 3**Vốn đầu tư, chỉ số ICOR**

Năm	GDP (Tỉ đồng)	Vốn đầu tư (Tỉ đồng)-I	I/GDP (%)	Tốc độ tăng GDP (%)	ICOR
1990	41.955	7.581	18,07	5,10	3,5
1995	228.892	72.447	31,65	9,54	3,3
2000	441.646	151.183	34,23	6,79	5,0
2005	914.001	343.135	37,54	8,43	4,5
2010	2.157.828	830.278	38,48	6,42	6,0
2011	2.779.880	924.495	33,26	6,24	5,3
2012	3.245.419	1.010.114	31,12	5,25	5,9
2013	3.584.262	1.094.542	30,54	5,42	5,6
2014	3.937.856	1.220.724	31,00	5,98	5,2
2015	4.192.900	1.367.200	32,61	6,68	4,9

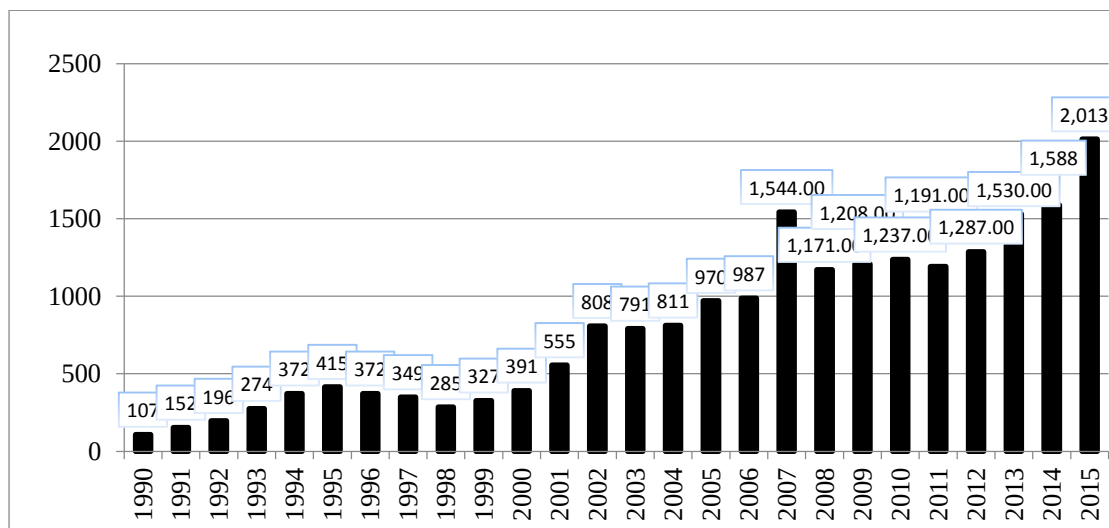
Nguồn: Tính toán của tác giả từ Niên giám thống kê VN

Cơ cấu vốn đầu tư đã thay đổi theo xu hướng ngày càng tăng dần vốn của khu vực tư nhân trong nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) - (Hình 6). Kết quả thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tăng dần cả số dự án và vốn đầu tư gồm vốn đăng ký và vốn thực hiện qua các năm (Hình 7 và Hình 8).



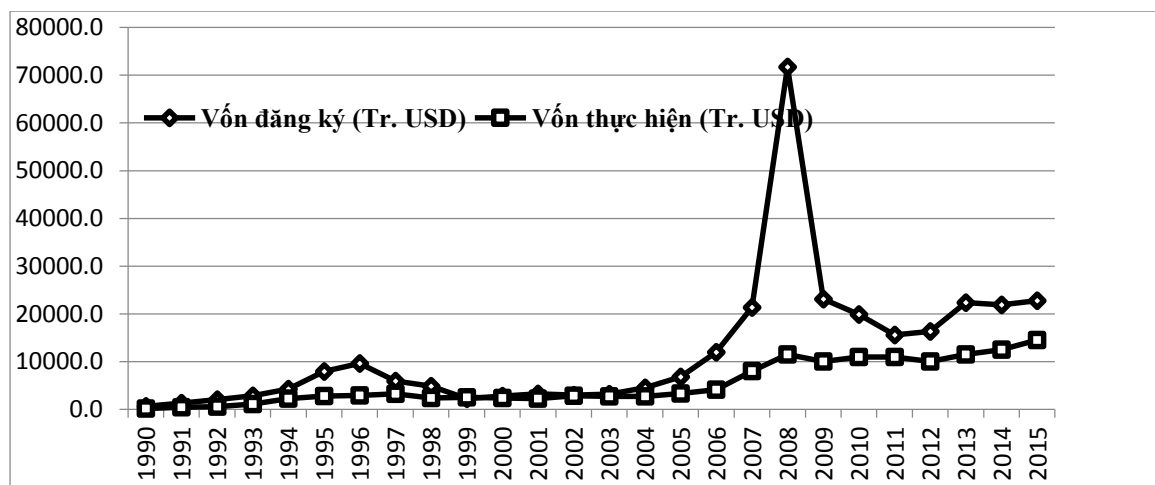
Hình 6. Cơ cấu vốn theo các hình thức sở hữu giai đoạn 1990–2015

Nguồn: Niên giám thống kê VN



Hình 7. Số dự án FDI tăng qua các năm

Nguồn: Niên giám thống kê VN

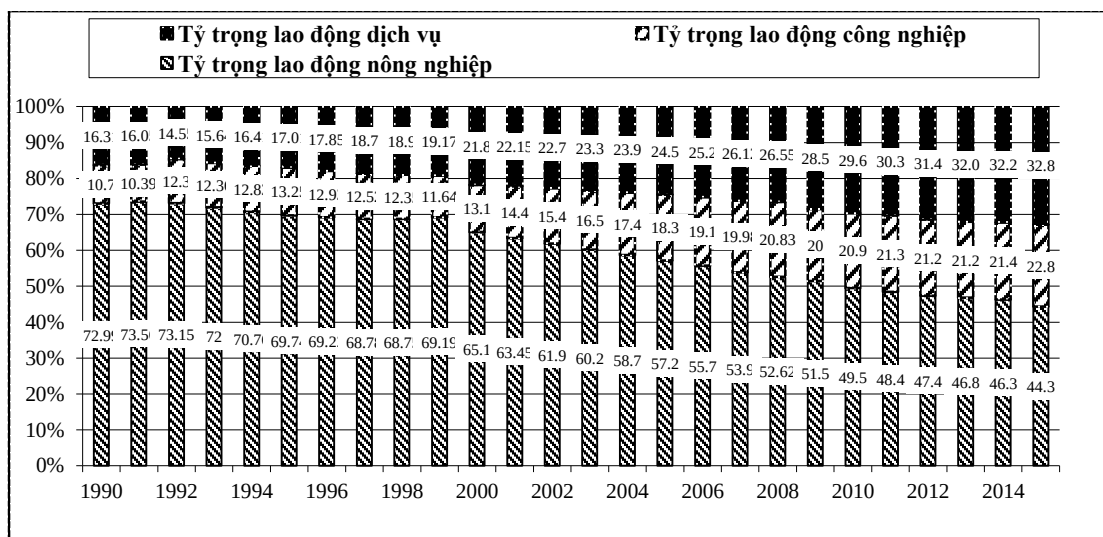


Hình 8. Vốn FDI đăng ký và vốn thực hiện giai đoạn 1990–2015

Nguồn: Niên giám thống kê VN

Lao động và năng suất lao động.

Hơn hai thập niên qua, lực lượng lao động cũng không ngừng tăng thu hút vào nền kinh tế, đặc biệt có sự chuyển dịch lao động rõ rệt theo khu vực ngành. Tăng đầu tư vốn xã hội, tạo việc làm trong khu vực công nghiệp và dịch vụ đã thu hút lực lượng lao động lớn vào hai khu vực này và giảm tương đối ở khu vực I — khu vực nông-lâm-ngư (Hình 9). Năng suất lao động được cải thiện tăng qua các năm, dù chưa đạt được tốc độ như kế hoạch (Bảng 4). Năng suất lao động thấp là do khu vực nông nghiệp chuyển dịch chậm, hiện nay lao động nông nghiệp chiếm trên 46% tổng lực lượng lao động nhưng chỉ tạo ra được 18% GDP (Hình 3 và Hình 9).



Hình 9. Chuyển dịch cơ cấu lao động theo khu vực ngành kinh tế giai đoạn 1990–2015.

Nguồn: Niên giám thống kê; Báo cáo tình hình KT-XH của các năm 2014–2015

Bảng 4

Số lao động, NSLĐ giai đoạn 2000–2015

Năm	GDP (tỉ đồng)	Số lao động làm việc (người)	GDP/lao động (Triệu đồng/người/năm)
2000	441.646	37.075.300	11,9
2005	914.001	42.774.900	21,4
2010	2.157.828	49.048.500	44,0
2011	2.779.880	50.352.000	55,2
2012	3.245.419	51.422.400	63,1
2013	3.584.262	52.207.800	68,7
2014	3.937.856	52.744.500	74,7
2015	4.192.900	52.900.000	79,3

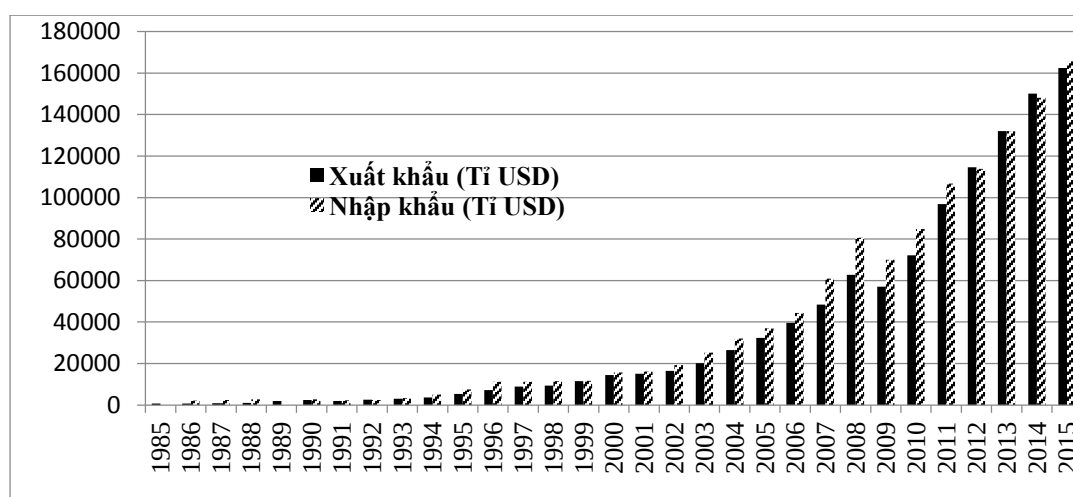
Nguồn: Niên giám thống kê; Báo cáo tình hình KT-XH của các năm 2014–2015

Tổng năng suất nhân tố.

So với giai đoạn trước, mô hình tăng trưởng kinh tế cũng phần nào được cải thiện, theo đó yếu tố năng suất nhân tố TFP đã cao hơn yếu tố lao động (26% so với 20%), yếu tố vốn vẫn còn ngự trị trong đóng góp vào tăng trưởng của kinh tế VN (54%) (Ban Chấp hành Trung ương, 2015). So với giai đoạn trước 2011, TFP tăng trên 6% (từ gần 20% năm 2007–2010, tăng lên 26% hiện nay).

3.3.2. Các yếu tố tổng cầu: Xuất - nhập khẩu, tích lũy, tiêu dùng

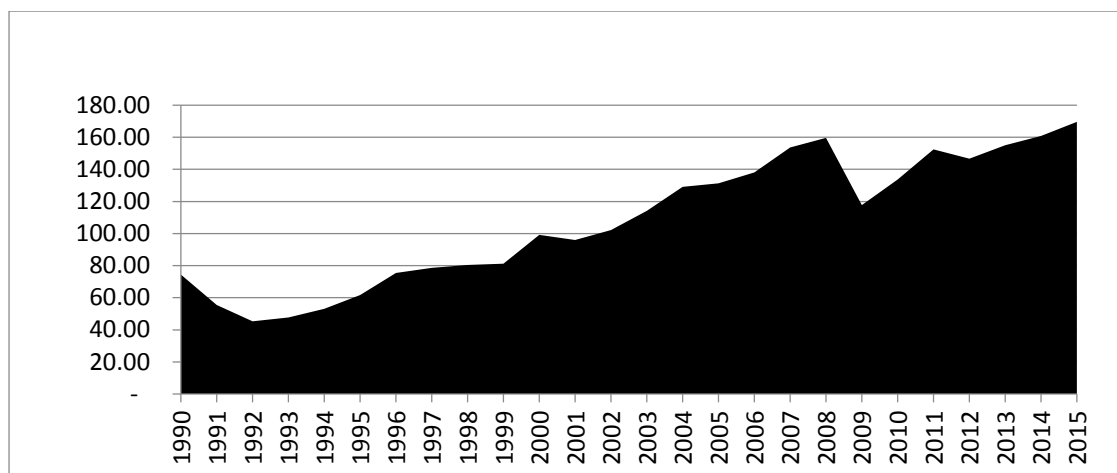
Trên phương diện tổng cầu, cùng với tăng đầu tư nước ngoài đã thúc đẩy thương mại phát triển, theo đó tổng kim ngạch XNK đều tăng, đặc biệt là xuất khẩu tăng đã góp phần quan trọng cho tăng trưởng kinh tế VN. Kim ngạch XNK của VN không ngừng tăng trong những năm qua cả về quy mô lẫn tốc độ, đặc biệt 3 năm gần đây (2012–2014), tổng kim ngạch xuất khẩu đã vượt lên cao hơn tổng kim ngạch nhập khẩu (Hình 10).



Hình 10. Kim ngạch XNK của VN qua 30 năm (1985–2015)

Nguồn: Niên giám thống kê VN

Tổng kim ngạch nhập khẩu tăng mạnh là do tăng vốn FDI cùng với nhập khẩu máy móc thiết bị và nguyên liệu đầu vào. Với việc tăng mạnh tổng kim ngạch xuất khẩu, đã làm cho độ mở của nền kinh tế VN ngày càng lớn (Hình 11).

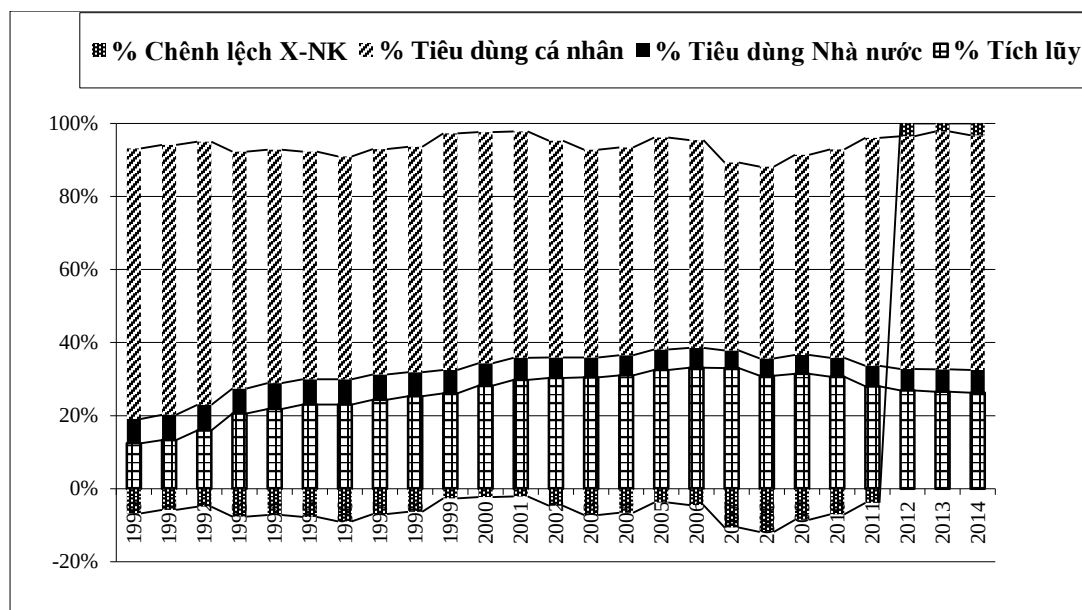


Hình 11. Độ mở của nền kinh tế tăng cao giai đoạn 1990–2015

Nguồn: Niên giám thống kê VN

GDP sử dụng được xác định dựa vào các yếu tố tổng cầu bao gồm tích lũy đầu tư, tiêu dùng cuối cùng gồm chi tiêu của chính phủ, tiêu dùng cá nhân và chênh lệch XNK, dịch vụ.

Tích lũy so với GDP tăng từ 14,36% năm 1990 lên cao nhất là 41,13% năm 2008 và giảm xuống 26,83% hiện nay. Tiêu dùng cá nhân trong GDP giảm từ 85,82% năm 1990 xuống còn 65,6% hiện nay. Tiêu dùng nhà nước so với GDP có giảm nhưng không đáng kể, từ 7,7% năm 1990 xuống còn 6,27% hiện nay (Hình 12). Chênh lệch XNK thể hiện nhập siêu cao ở những năm trước 2012, từ -7,84% lên -16,54% so với GDP, 3 năm 2012–2014 có xuất siêu, nhưng năm 2015 trở lại nhập siêu. Nhập siêu càng cao có tác động làm giảm tương đối GDP càng cao, đồng thời gây áp lực về dự trữ ngoại tệ cho trả nợ tiền nhập khẩu hàng hoá.



Hình 12. Cơ cấu GDP sử dụng giai đoạn 1990–2014 (%)

Nguồn: Niên giám thống kê VN

Tóm lại, trong 30 năm thực hiện chính sách đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế, VN đã được hưởng lợi nhiều hơn các tổn thất. Dù kế hoạch 5 năm (2011–2015) chưa thực hiện được đầy đủ, nhưng năm 2015 nền kinh tế đã có những khởi sắc, tốc độ tăng trưởng cao nhất trong 5 năm, một số các yếu tố vĩ mô khác tương đối ổn định. Những thành quả của năm 2015 có thể có những kì vọng tốt hơn cho năm 2016 - năm khởi đầu có kế hoạch 5 năm (2016–2020) và năm đầu tiên thực hiện các cam kết của AEC. Dưới đây sẽ nêu lên những kì vọng, mục tiêu, những cơ hội và thách thức của năm 2016 và các giải pháp để đạt được các kì vọng, mục tiêu mong muốn.

4. Những kì vọng, mục tiêu của năm 2016 và các giải pháp thực hiện các mục tiêu

4.1. Các kì vọng và mục tiêu của Chính phủ năm 2016

Cho đến nay, hầu hết các cơ quan dự báo, bao gồm cả Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (World Bank), Tổ chức Hợp tác và Phát triển (OECD) hay Bloomberg, đều có những cái nhìn lạc quan về một nền kinh tế thế giới mạnh hơn trong năm 2016. Nhìn chung, các chuyên gia thế giới đều tin kinh tế toàn cầu sẽ có được cải thiện phần nào về tốc độ tăng trưởng trong năm 2016, sau 5 năm suy thoái liên tục ở các

nền kinh tế lớn. Các dự báo về tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2016 cao nhất là 3,6% (IMF), thấp nhất là 2,9% (WB), còn dự báo kinh tế VN năm 2016 cao nhất là 6,7%, thấp nhất là 6,5%.

Kết quả tăng trưởng qua các năm cùng với các số liệu do các chuyên gia, các tổ chức quốc tế và VN dự báo cho tăng trưởng kinh tế thế giới, ASEAN và VN trong các năm tiếp theo đến năm 2020 được tổng hợp trong Bảng 5.

Bảng 5

Tổng hợp các dự báo kinh tế thế giới, ASEAN và VN (2016-2020)

Năm	Tốc độ tăng trưởng GDP (%)			Lạm phát của VN
	Thế giới	ASEAN	VN	
2010	4,1	5,1	6,4	11,75
2011	2,8	4,8	6,2	18,58
2012	2,3	6,3	5,2	9,21
2013	2,4	5,1	5,5	6,04
2014	2,6	4,6	6,0	4,1
2015	2,4 (E) *	5,2 (E)	6,68 (E)	0,63
2016	2,9 - 3,6(P)	5,3	6,7	4,0 (P)
2020	4,0(P)	5,5	6,5 - 7,0 (P)	5,0 (P)

Nguồn: IMF, WB, LHQ, Trung tâm thông tin và dự báo kinh tế xã hội quốc gia VN (2015).

Ghi chú * P là dự báo; E là ước tính

Kinh tế VN 2015 đã có những chuyển biến tích cực trong điều kiện kinh tế thế giới đang hồi phục chậm. Thêm vào đó, môi trường kinh doanh tại VN đang được cải thiện và nhiều mục tiêu đề ra đã được hoàn thành trong năm 2015 (tăng trưởng cao hơn so với dự kiến, khu vực công nghiệp-xây dựng tăng trên 9,6%, công nghiệp chế biến tăng 10,6%, lạm phát thấp hơn-CPI tăng 0,63%, tỉ giá đồng tiền Việt tương đối ổn định....). Hầu hết các hiệp định mậu dịch tự do song phương, đa phương đã được ký kết (AFTA với liên minh Á-Âu, châu Âu, Hàn Quốc, v.v.); Hiệp định TPP đã kết thúc đàm phán, kì vọng sẽ được hoàn thành trong các tháng đầu năm 2016. Điều này sẽ tạo điều kiện thu hút đầu tư và mở rộng thị trường xuất khẩu.

Có thể nói, càng hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới, kinh tế và thương mại VN lại càng quan hệ chặt chẽ với kinh tế và thương mại thế giới.

Nghiên cứu cũng cho thấy trước khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới WTO (2006), kinh tế VN có tương quan nhẹ với kinh tế thế giới (hệ số tương quan bằng 0,38). Sau khi gia nhập WTO, kinh tế VN từ tương quan nhẹ chuyển thành tương quan chặt chẽ hơn với thế giới (hệ số tương quan 0,55) (Bảng 6, 7).

Các chuyên gia IMF dự báo kinh tế VN cho 5 năm tới tăng bình quân trên 6%/năm (IMF dự báo năm 2015 tăng trưởng của VN là khoảng 6,6%, thực tế tăng 6,68%; năm 2016 tăng trưởng của VN là khoảng 6,4%, trong khi WB dự báo tăng là 6,3% cho cả hai năm 2015 và 2016, các tổ chức quốc tế khác dự báo kinh tế VN tăng trưởng 6,6% năm 2016), các chuyên gia thuộc Trung tâm dự báo của Bộ Kế hoạch & Đầu tư VN dự báo tăng trưởng VN giai đoạn 5 năm tới là 6,5%-7%/năm, tức bình quân khoảng 6,7%/năm.

Bảng 6

Tương quan tăng trưởng GDP thế giới, Mỹ, châu Âu, Nhật, Trung Quốc và VN giai đoạn 1996–2006

1996–2006	Thế giới	Mỹ	Châu Âu	Nhật	Trung Quốc	VN
Thế giới	1					
Mỹ	0,56	1				
Châu Âu	0,67	0,01	1			
Nhật	0,61	0,87	0,04	1		
Trung Quốc	0,34	0,15	-0,10	0,36	1	
VN	0,38	0,53	-0,13	0,74	0,58	1

Nguồn: Trung tâm nghiên cứu kinh tế và tài chính, Trường ĐH Kinh tế-Luật, Đại học Quốc gia TP.HCM (2015)

Bảng 7

Tương quan tăng trưởng GDP thế giới, Mỹ, châu Âu, Nhật, Trung Quốc và VN giai đoạn 2007–2015

2007–2015	Thế giới	Mỹ	Châu Âu	Nhật	Trung Quốc	VN
Thế giới	1					
Mỹ	0,74	1				

2007–2015	Thế giới	Mỹ	Châu Âu	Nhật	Trung Quốc	VN
Châu Âu	0,94	0,81	1			
Nhật	0,89	0,86	0,82	1		
Trung Quốc	0,12	0,38	0,37	0,16	1	
VN	0,55	0,53	0,72	0,45	0,81	1

Nguồn: Trung tâm nghiên cứu kinh tế và tài chính, Trường ĐH Kinh tế-Luật, Đại học Quốc gia TP.HCM (2015)

Tóm lại, tăng trưởng GDP VN được các chuyên gia và tổ chức quốc tế dự báo vào khoảng 6,3%-6,7% trong năm 2016, phản ánh chu kỳ hồi phục của kinh tế nội địa, với mức lạm phát được duy trì ở mức một chữ số.

Mục tiêu của Chính phủ năm 2016.

“Giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, phấn đấu tăng trưởng kinh tế cao hơn năm 2015, chú trọng cải thiện chất lượng tăng trưởng, bảo đảm phát triển bền vững. Đẩy mạnh thực hiện các đột phá chiến lược, tái cơ cấu nền kinh tế với GDP tăng trưởng 6,7%”. Đó là mục tiêu được đưa ra trong dự thảo nghị quyết về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016, được Chính phủ đưa ra tại phiên họp trực tuyến với các địa phương sáng 28/12/2015.

Bên cạnh những mục tiêu tổng quan trên, Chính phủ cũng đề ra một số chỉ tiêu cụ thể, bao gồm: Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 10%; tỉ lệ nhập siêu so với kim ngạch xuất khẩu dưới 5%; tốc độ tăng giá tiêu dùng dưới 5%; tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 31% GDP; tỉ suất tiêu hao năng lượng trên một đơn vị GDP giảm 1,5%; tỉ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm 1,3-1,5%, riêng các huyện nghèo giảm 4%; tỉ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%; tỉ lệ lao động qua đào tạo là 53%, trong đó: tỉ lệ lao động qua đào tạo từ 3 tháng trở lên có văn bằng chứng chỉ công nhận kết quả đào tạo: 21%¹.

Mục tiêu này cũng đã được Quốc hội thông qua trong Nghị quyết số 98/2015/QH13, Nghị quyết đã được Quốc hội khoá XIII, kì họp thứ X thông qua ngày 10/11/2015.

Bình luận về các mục tiêu của Chính phủ năm 2016.

Nếu so với các chỉ tiêu và kết quả đạt được của năm 2015, có thể thấy những mục tiêu tổng quát và cụ thể của Chính phủ đề ra cho năm 2016 là cao hơn năm 2015, mục

tiêu tăng trưởng nằm trong khoảng các dự báo trung bình nêu trên. Các mục tiêu của năm 2016 cao hơn năm 2015 là có cơ sở. Năm 2016 là năm khởi đầu cho kế hoạch 5 năm (2016-2020), là 5 năm cuối của nửa chặng đường thực hiện chiến lược 10 năm phát triển kinh tế-xã hội (2011-2020). Vì vậy, mục tiêu phát triển 5 năm 2016-2020 của VN là phải triển nhanh hơn, bền vững hơn giai đoạn 2011-2015 thì mới có thể đạt được mức tốt nhất có thể các mục tiêu của chiến lược 10 năm.

Về mục tiêu tăng trưởng kinh tế, năm 2015 tăng trưởng 6,68%, năm 2016 tăng trưởng 6,7% là hoàn toàn khả thi, bởi năm 2016 kinh tế thế giới được dự báo là tăng cao hơn năm 2015 (2,8% năm 2016 so với số ước đạt được 2,4% năm 2015), trong khi kinh tế VN có quan hệ chặt chẽ với kinh tế thế giới do VN hội nhập ngày càng sâu hơn, thương mại và đầu tư nước ngoài tăng cao. Năm 2016 cũng là năm đầu tiên tham gia AEC và thực hiện nhiều hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương sẽ thúc đẩy xuất khẩu hàng hoá VN ra thế giới nhiều hơn. Vì vậy tốc độ tăng xuất khẩu từ trên 8,1% năm 2015 lên 10% năm 2016 hoàn toàn khả thi. VN đã có 3 năm liên tục (2012-2014 xuất siêu) đến năm 2015 cán cân thương mại của VN lại trở về tình trạng nhập siêu trên 3 tỉ USD, gần bằng 2% tổng kim ngạch xuất khẩu (3,2 tỉ USD/162,4 tỉ USD). Như vậy mục tiêu đặt ra cho năm 2016: tỉ lệ nhập siêu so với kim ngạch xuất khẩu dưới 5%, khi tận dụng các cơ hội thực hiện tự do hoá thương mại để thúc đẩy xuất khẩu trong mối quan hệ cân đối với nhập khẩu. Chỉ tiêu tốc độ tăng giá tiêu dùng CPI năm 2015 là 0,63%, năm 2016 tốc độ tăng giá tiêu dùng dưới 5%; tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội so với GDP năm 2015 là trên 32%, mục tiêu năm 2016 là khoảng 31% GDP, thấp hơn năm trước là đạt được. Tương tự một số mục tiêu xã hội đặt ra cho năm 2016 so với mức đạt được trung bình của giai đoạn 5 năm trước (2011-2015) là không cao hơn nhiều, do đó với bối cảnh mới của năm 2016 là hoàn toàn khả thi. Tuy nhiên, để các mục tiêu biến thành hiện thực đòi hỏi phải có các biện pháp quyết liệt. Dưới đây sẽ đề cập đến các giải pháp thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội năm 2016.

4.2. Các giải pháp nhằm đạt được các mục tiêu của năm 2016

Từ các phân tích thực trạng 30 năm đổi mới, kết quả thực hiện kế hoạch 5 năm (2011-2015) và mục tiêu năm 2016, tác giả sẽ tập trung một số giải pháp nắm bắt những cơ hội và hạn chế những thách thức của hội nhập nhằm thực hiện các mục tiêu đề ra.

Quá trình hội nhập khu vực của AEC đã có một số tác động quan trọng tới người hưởng lợi như thuế quan thương mại trong khu vực ASEAN hầu như đã được loại bỏ và thuế thương mại với các nước khác đã được giảm; thương mại khu vực được thuận lợi

nhờ thiết lập khu vực thương mại ASEAN, hệ thống quá cảnh hải quan và cơ chế “một cửa” quốc gia; thương mại dịch vụ đã được tự do hoá, và FDI được đẩy mạnh. Theo các chuyên gia của Ngân hàng Thế giới, có 3 lĩnh vực cụ thể dưới đây sẽ rất quan trọng để thúc đẩy các cơ hội thương mại và chuỗi giá trị toàn cầu đó là: (1) Cải thiện kết nối và tạo thuận lợi thương mại; (2) Củng cố và phát triển các ngành dịch vụ; và (3) Giải quyết những khó khăn về môi trường kinh doanh của khu vực tư nhân trong nước. Những hiệp định thương mại trong tương lai hứa hẹn những cơ hội tăng trưởng quan trọng. Hội nhập là tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu vẫn là phương tiện quan trọng để hưởng lợi từ xuất khẩu, là tiềm năng cho tăng trưởng kinh tế trong dài hạn của VN (Victoria Kwakwa, 2015). Tuy nhiên, hội nhập cũng tạo ra nhiều thách thức đó là gia tăng áp lực cạnh tranh của các doanh nghiệp còn non trẻ, quy mô nhỏ của VN, cũng như VN phải chịu các rủi ro đến từ bên ngoài (như khủng hoảng tài chính thế giới giảm thị trường, giảm đầu tư...). Khi tham gia AEC cạnh tranh khốc liệt từ các thành viên AEC, một số ngành của VN sẽ phải đối mặt với khoảng thời gian khó khăn, có thể là giai đoạn đầu. Những ngành gặp phải khó khăn nhiều nhất chủ yếu là các ngành sản phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp như chăn nuôi, chế biến thực phẩm, đường, hoa quả tươi, hoa quả chế biến, lâm nghiệp, chế biến gỗ, và một số ngành dịch vụ. Do những ngành hàng này có nhiều nước trong cộng đồng AEC sản xuất với năng suất cao hơn, khả năng cạnh tranh về giá và chất lượng là cao hơn các sản phẩm cùng loại của VN.

Từ những cơ hội và thách thức của hội nhập, đặc biệt là tham gia AEC nêu trên, dưới đây sẽ đề xuất một số giải pháp tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức để mang lại lợi ích nhiều hơn cho VN trong năm đầu tham gia AEC. Những giải pháp đề xuất nhằm thực hiện các mục tiêu năm 2016 là năm khởi đầu để tiếp tục thực hiện các mục tiêu kế hoạch năm năm giai đoạn (2016–2020).

Thứ nhất, nâng cao năng lực cạnh tranh của khu vực doanh nghiệp trong nước để vượt qua những thách thức của hội nhập. Theo đó, Nhà nước cần tạo điều kiện cho khu vực tư nhân trong nước nâng cao khả năng cạnh tranh, nâng cao năng suất và hiệu quả hoạt động; Đa số các doanh nghiệp VN có quy mô nhỏ. Vì vậy, Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ để các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc khu vực tư nhân trong nước nâng cao năng suất và hiệu quả hoạt động, năng lực cạnh tranh. Nhà nước chỉ có thể hỗ trợ doanh nghiệp bằng cách giải phóng lực lượng sản xuất hay nói cách khác là nới lỏng các quy định, đảm bảo tự do hoá thị trường các nhân tố như thị trường đất đai, thị trường vốn, thị trường công nghệ và thị trường lao động. Giúp tăng cường năng lực kinh doanh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ bằng cách hỗ trợ nâng cao nhận thức và hiểu biết của các

doanh nghiệp vừa và nhỏ về AEC và các tác động khi tham gia AEC cùng các hiệp định thương mại tự do khác; hỗ trợ đào tạo các nhà quản lý kinh doanh, hỗ trợ các doanh nhân trẻ kiến thức khởi nghiệp, cũng như hỗ trợ thông tin thị trường qua các cổng thông tin doanh nghiệp và hỗ trợ tiếp cận các thị trường mới.

Thứ hai, hoàn thiện thể chế thị trường, cấu trúc lại khu vực doanh nghiệp Nhà nước (DNNN) để đáp ứng các yêu cầu hội nhập. Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện chính sách kinh tế, cải cách khu vực kinh tế nhà nước theo hướng chỉ giữ một số ngành then chốt, giảm quy mô, đánh giá lại mô hình tập đoàn kinh tế nhà nước, cổ phần hoá DNNN để cho các nhà đầu tư tư nhân trong và ngoài nước tham gia chính là tạo điều kiện phát triển khu vực kinh tế tư nhân trong nước, cũng như kết hợp các nguồn lực trong và ngoài nước nâng cao hiệu quả phân bổ nguồn lực, và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Thứ ba, cải cách giáo dục và đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng hội nhập. Khi tham gia AEC, thị trường lao động của các nước ASEAN được liên thông, lao động của VN cũng sẽ bị cạnh tranh với lao động các nước. Muốn cạnh tranh được thì chất lượng nguồn nhân lực của VN phải được cải thiện và nâng cao. Mặt khác, để thu hút đầu tư phát triển các ngành kinh tế có trình độ công nghệ cao có năng suất và giá trị gia tăng cao để có thể cạnh tranh trên thị trường quốc tế cũng cần nguồn nhân lực có chất lượng cao.

Thứ tư, hoàn thiện chính sách tài khoá, ổn định chính sách tiền tệ. Mục tiêu của Chính phủ là phải giữ bội chi ngân sách giai đoạn 2016–2020 trung bình dưới 4,5%/ năm. Muốn không chế được mức bội chi là phải giảm chi và tăng thu. Tăng thu trong bối cảnh hội nhập là khó khăn do cắt giảm thuế xuất-nhập khẩu, vì vậy chỉ có thể cải thiện bằng cải cách thuế tăng nguồn thu từ các loại thuế trực thu và gián thu khác. Biện pháp giảm chi là lại cơ cấu lại các khoản chi kết hợp với cải cách bộ máy hành chính Nhà nước.

Biện pháp ổn định kinh tế vĩ mô là phải tăng cường cải cách chính sách tiền tệ ngân hàng, linh hoạt điều chỉnh các chính sách lãi suất, tỉ giá để hướng tới sự ổn định tỉ giá, lãi suất giúp điều hành chính sách vĩ mô, ổn định vĩ mô một cách hiệu quả. Trong điều kiện hội nhập, tự do hoá tài chính, có thể có những tác động rủi ro từ bên ngoài, từ các thị trường quốc tế. Vì vậy, các cơ quan quản lý vĩ mô có liên quan cần phải xây dựng các kịch bản để đối phó với các tình huống có thể xảy ra trên thị trường quốc tế và khu vực tác động đến thị trường tài chính VN■

Chú thích

¹ Chính phủ, Nghị quyết số 01/ NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016

Tài liệu tham khảo

Ban Chấp hành Trung ương (2015). Dự thảo Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm (2011–2015) và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016–2020.

Charles, R. H., Edwin, R. D. & Michael, J. H. (2001), *New developments in productivity analysis*, The University of Chicago Press.

Chính phủ VN. (2016). Nghị quyết Số 01/ NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016.

Chính phủ VN. (2015). Báo cáo của Thủ tướng Chính phủ trước Quốc hội về phát triển kinh tế xã hội 2015 và giai đoạn 2011–2015.

Chính phủ VN. (2015). Báo cáo Quốc gia “Kết quả 15 năm thực hiện các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ của VN”, tháng 9/2015.

Kwakwa, V. (2015). Cộng đồng kinh tế ASEAN - Cơ hội và thách thức mở rộng thương mại của VN.

Quốc hội (2011). Nghị quyết Số 10/2011/QH13 về kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2011-2015

Tổng cục Thống kê. (1985-2014). *Niên giám thống kê VN*.

Tổng cục Thống kê. (2014, 2015). Báo cáo về tình hình kinh tế-xã hội.

Websites: IMF (<http://www.imf.org/en/Data>), World Bank (<http://data.worldbank.org>).